TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gạt

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thái T, Sinh năm 1978; có mặt
Địa chỉ: Tổ 6 D, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T1, Sinh năm 1979; vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 6 D, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thái T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Đăng T1 xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng sống tại tổ 6 D, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất là từ năm 2016 cho đến nay, nguyên nhân do ông T1 sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con, thường xuyên gây gỗ bà T. Năm 2016 bà T đã làm đơn ly hôn ông T1 nhưng vì gia

đình, con cái bà T đã rút đơn nhưng đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không có gì thay đổi nên hai người đã tự sống ly thân từ tháng 11/2017. Nay bà T xác định không còn thương yêu, không muốn xây dựng cuộc sống chung vợ chồng với ông T1 nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đăng T1.

- Về quan hệ con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 21/11/2007 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/01/2015.

Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do và ông T1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo, trừ bị đơn ông Nguyễn Đăng T1 đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt ông T1.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thái T đối với ông Nguyễn Đăng T1.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thái T được ly hôn với ông Nguyễn Đăng T1.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu: Nguyễn Thị Thúy VVy, sinh ngày 21/11/2007 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/01/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thái T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thái T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Thái T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Nguyễn Đăng T1, trú tại tổ 6 D, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà T là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đăng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông T1.

Về nội dung:

[3] Bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Đăng T1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, TP. Đà Nẵng vào ngày 30/5/2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T do ông T1 sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con, thường xuyên gây gỗ bà T. Hai người không có tiếng nói chung nên đã tự sống ly thân từ cuối năm 2017.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T xác định bà không còn tình cảm, thương yêu ông T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đăng T1.

Trong qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho ông Nguyễn Đăng T1 có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông T1 vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó, thể hiện ông T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa bà T và ông T1 không có đời sống hôn nhân hạnh phúc, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, năm 2016 bà T làm đơn ly hôn ông T1 nhưng vì gia đình, con cái bà T đã rút đơn để vợ chồng đoàn thụ, nhưng đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không có gì thay đổi, nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, giữa hai người không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Nguyễn Đăng T1 là hợp lý.

[4] Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 21/11/2007 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/01/2015. Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con.

Xét nguyện vọng của bà T thì thấy: Bà T và ông T1 có hai con chung, khi ly hôn cả ông T1 và bà T đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con. Nhưng việc giao

con cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con, phải lấy ý kiến của con trên 7 tuổi.

Cả ông T1 và bà T đều có quyền nuôi con, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa ông T1 không có mặt, thể hiện ông T1 không có thiện chí, trách nhiệm và từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của minh. Bà T có nguyện vọng xin được nuôi hai con, cháu Nguyễn Thị Thúy V có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, đây ý chí tự nguyện của bà T và nguyện vọng của con cũng như điều kiện của bà T, để đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của các cháu. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận ý kiến kiến của bà T, giao hai cháu Nguyễn Thị Thúy V và Nguyễn Thúy N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con, nên HĐXX không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thái T đối với ông Nguyễn Đăng T1 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thái T được ly hôn với ông Nguyễn Đăng T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 21/11/2007 và Nguyễn Thúy N, sinh ngày 11/01/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đăng T1 không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Thái T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu số 0002122 ngày 25/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Thái T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Nguyễn Đăng T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thế Anh